

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Lịch sử; Chuyên ngành: Lịch sử ngoại giao và quan hệ quốc tế

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN NGỌC DŨNG

2. Ngày tháng năm sinh: 29/11/1987; Nam ☒; Nữ ☐ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): phòng 803, chung cư Bắc Hà, 30 Phạm Văn Đồng, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): phòng 803, chung cư Bắc Hà, 30 Phạm Văn Đồng, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: Không có; Điện thoại di động: 0984380588; E-mail: tranngocdung@hcma.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Công việc, Chức vụ	Cơ quan
Từ tháng 9 năm 2009 đến tháng 6 năm 2010	Giảng viên hợp đồng	Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 1 năm 2020	Giảng viên	Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 6 năm 2022	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Từ tháng 2 năm 2020 đến tháng 6 năm 2022	Giảng viên chính	Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 1 năm 2025	Giảng viên chính	Viện quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Từ tháng 1 năm 2025 đến nay	Giảng viên chính	Viện Chính trị và quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Chức vụ: Hiện nay: Không; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Bí thư Đoàn trường, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Chính trị và quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 135 Nguyễn Phong Sắc, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02438330687

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Kinh tế (UEB), Trường Quốc tế (IS) thuộc Đại học quốc gia Hà Nội, Học viện Ngoại giao.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 09 tháng 06 năm 2009; số văn bằng: A329215; ngành: Sư phạm Lịch sử - Chất lượng cao, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Được cấp bằng ThS ngày 10 tháng 07 năm 2012; số văn bằng: A030678; ngành: Lịch sử; chuyên ngành: ; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Được cấp bằng TS ngày 17 tháng 07 năm 2019; số văn bằng: 00030549; ngành: Lịch sử; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Birmingham (University of Birmingham), Vương quốc Anh.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng . năm... , ngành:...

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Sử học – Khảo cổ học – Dân tộc học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

1. Quan hệ Việt Nam – Anh từ thế kỷ XVII đến nay: tìm hiểu quan hệ song phương từ những ngày đầu khi Công ty Đông Ấn Anh đến Việt Nam (Đàng Ngoài và Đàng Trong) thiết lập quan hệ ngoại giao và thương mại đến sự can dự của Anh vào những vấn đề liên quan đến Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 và thực tiễn quan hệ hiện nay.

Các công trình theo hướng nghiên cứu này là: [7], [8], [9], [10], [11], [12], [13], [14], [15], [16], [19], [20], [23], [26], [27], [29], [36], [42], [49].

2. Chính sách đối ngoại của Việt Nam và quan hệ giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới (tập trung vào khu vực Đông Á và châu Âu). Hướng nghiên cứu làm rõ sự phát triển trong đường lối ngoại giao Việt Nam, cũng như những quan hệ nổi bật về thương mại và chính trị giữa Việt Nam với Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và Liên minh châu Âu (EU) từ đầu thế kỷ XX đến nay.

Các công trình theo hướng nghiên cứu này là: [17], [21], [24], [31], [33], [34], [35], [37], [38], [45], [46], [48], [53], [54].

3. Lịch sử quan hệ quốc tế từ sau 1648 đến nay: tập trung vào tìm hiểu mối quan hệ giữa các cường quốc trong lịch sử, quan hệ hợp tác – cạnh tranh giữa các cường quốc, những vấn đề quan trọng trong lịch sử quan hệ quốc tế và những tác động đến Việt Nam cả trong lịch sử và hiện tại.

Các công trình theo hướng nghiên cứu này là: [1], [2], [3], [4], [5], [6], [18], [22], [25], [28], [30], [32], [39], [40], [41], [46], [47], [51].

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn chính **03** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Cụ thể
 - Chủ nhiệm 02 đề tài cấp cơ sở: năm 2019-2021 thuộc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và năm 2024 thuộc Viện quan hệ quốc tế (Học viện CTQG Hồ Chí Minh).
 - Thành viên chính 01 đề tài cấp Nhà nước: năm 2023 (Quyết định công nhận kết quả nghiên cứu khoa học số 189/QĐ-BNV của Bộ Nội vụ ngày 17/3/2023)
- Đã công bố hơn **50** bài báo khoa học, trong đó **05** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (ISI/Scopus), **02** bài tạp chí quốc tế khác, hơn **40** bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín quốc gia, **03** bài đăng ở Kỷ yếu hội thảo quốc tế.
- Đã tham gia biên soạn đề cương môn học: Introduction of International Relations, Lịch sử Thế giới cận đại, Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương tại Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Đã tham gia biên soạn: *Giáo trình Lịch sử văn minh thế giới*.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã tham gia biên soạn: 03 đề cương học phần Thạc sỹ Quan hệ quốc tế (phụ trách 01 học phần) thuộc đề án 979 là: Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại; Độc lập, tự chủ của các quốc gia trong bối cảnh hiện nay; và Đối ngoại Việt Nam: Lịch sử và đương đại tại Viện Quan hệ quốc tế (nay là Viện Chính trị và quan hệ quốc tế).

- Tham gia biên soạn: 02 giáo trình thuộc chương trình Thạc sỹ quan hệ quốc tế: Đối ngoại Việt Nam: Lịch sử và đương đại, và Địa chính trị thế giới và Việt Nam thuộc Chương trình 979 (hiện đang trong quá trình nghiệm thu).

- Số lượng sách đã xuất bản: **02** cuốn, trong đó **02** thuộc nhà xuất bản có uy tín (chủ biên: **01** cuốn, thành viên tham gia **01** cuốn);

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo về đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển đơn vị, nhân dịp 70 năm thành lập trường Đại học Sư phạm Hà Nội (QĐ số 4316-QĐ-BGDĐT);

- Bằng khen của BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thành phố Hà Nội về đạt danh hiệu “Nhà giáo trẻ tiêu biểu” cấp thành phố năm 2021 (QĐ số 2273-QĐ/TĐHN-VP);

- Bằng khen của BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thành phố Hà Nội về có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên giai đoạn 2019-2022 (QĐ số 2736-QĐ/TĐHN-VP).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Về tổng thể, tôi tự đánh giá bản thân đáp ứng các tiêu chuẩn và đã thực hiện nghiêm túc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của nhà giáo. Cụ thể:

- Về tư tưởng chính trị: tôi luôn kiên định với mục tiêu, lý tưởng của Đảng; có lập trường tư tưởng vững vàng, trung thành với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; luôn chấp hành tốt các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của của Bộ Giáo dục và đào tạo và cơ quan công tác về tiêu chuẩn, trách nhiệm của nhà giáo. Tôi luôn nỗ lực học tập, bồi dưỡng các phẩm chất chính trị để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công việc.

- Về phẩm chất đạo đức, lối sống: tôi không ngừng rèn luyện các phẩm chất đạo đức, tư cách, lối sống của một đảng viên, nhà giáo; luôn nỗ lực học tập, cầu thị, gương mẫu trong công việc và các sinh hoạt tập thể; luôn xây dựng và giữ gìn đoàn kết nội bộ nơi công tác; thực hành lối sống lành mạnh, nghiêm túc, hòa đồng, cầu thị.

- Về ý thức tổ chức, kỷ luật: tôi thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế nơi làm việc; thực hiện nghiêm túc các quy định đối với giảng viên tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các nơi thỉnh giảng, cũng như tuân thủ nghiêm túc các quy định của Luật Giáo dục.

- Về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giảng viên

+ Về công tác đào tạo, bồi dưỡng: tôi đã tham gia và hoàn thành tốt các nội dung khác nhau với tư cách là giảng viên, bao gồm: giảng dạy, hướng dẫn khóa luận, hướng dẫn luận văn, xây dựng đề cương học phần, biên soạn giáo trình. Về giảng dạy, tôi luôn hoàn thành định mức giảng dạy theo quy định của vị trí công tác; luôn nỗ lực đảm bảo các giờ giảng có chất lượng tốt nhất thông qua việc cập nhật thông tin, phương pháp giảng dạy,

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

cũng như đảm bảo tính chính thống trong bài giảng. Tôi đã hướng dẫn chính 03 học viên bảo vệ thành công luận văn thạc sỹ, tham gia hướng dẫn 01 học viên khác, và hiện đang hướng dẫn 01 học viên cao học.

+ Về nghiên cứu khoa học: tôi đã tham gia nhiều đề tài các cấp khác nhau tại cơ quan công tác cũng như các cơ quan nghiên cứu khác với tư cách là chủ nhiệm, thành viên chính. Cụ thể, đến nay, tôi đã chủ nhiệm và nghiệm thu 02 đề tài cấp cơ sở, là thành viên chính của 02 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp quốc gia.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 15 năm (tính từ thời điểm chính thức bổ nhiệm viên chức, ngạch Giảng viên tháng 6 năm 2010 đến hết tháng 6 năm 2025).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020					210		210/232,92/210
2	2020-2021					215		215/268,46/116
3	2021-2022			03		240		240/374,52/116
03 năm học cuối								
4	2022-2023 (Học viện Chính trị quốc gia HCM)						20	20 / 37,5 / -
	2022-2023 (Trường Quốc tế, Đại học quốc gia Hà Nội)					84		84 / 87 /
	2022-2023 (Trường ĐH sư phạm Hà Nội)			01				0 / 35 /
	Tổng			01		84	20	104/159,5/75 ¹
				01		84	20	104/159,5/250 ²

¹ Trong trường hợp được tính giảm trừ giờ giảng khi theo học lớp CCLCT năm 2022-23 theo QĐ 766 của HVCTQG HCM.

² Trong trường hợp không được tính giảm trừ giờ giảng khi theo học lớp CCLCT năm 2022-2023.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

5	2023-2024 (Học viện Chính trị quốc gia HCM)					30	30	60 / 90 / 250
	2023-2024 (Trường Đại học kinh tế, ĐH quốc gia Hà Nội)					90		90 / 162 /
	2023-2024 (Học viện Ngoại giao)					90		90 / 112,5 /
	2023-2024 (Trường Quốc tế)					42		42 / 42 /
	Tổng					252	30	282/406,5/250
6	2024-2025 (Học viện Chính trị quốc gia HCM)					20	30	50 / 109 / 250
	2024-2025 (Trường Đại học kinh tế, ĐH quốc gia Hà Nội)					90		90 / 162 /
	2024-2025 (Trường ĐH sư phạm Hà Nội)			01				0 / 35 /
	Tổng			01		110	30	140/306/250

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Vương quốc Anh (bảo vệ tháng 10/2018, nhận bằng TS tháng 7 năm 2019).

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

+ Khoa Lịch sử, trường Đại học Sư phạm Hà Nội (01 môn: Introduction of International Relations – Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương),

+ Trường Quốc tế, Đại học quốc gia Hà Nội (01 môn: Western Civilization – Lịch sử văn minh phương Tây),

+ Trường Đại học Kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội (02 môn: World Civilization before 1500 – Văn minh thế giới trước năm 1500, và World Civilization from 1500 – Văn minh thế giới từ năm 1500).

d) Đối tượng khác; ☐ Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Tiến sĩ tại nước ngoài (Vương quốc Anh)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Văn Dân		HVCH	X		2021-2022	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Bằng ThS ngày 05/12/2022
2	Vũ Thị Thanh Loan		HVCH	X		2021-2022	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Bằng ThS ngày 20/9/2022
3	Nguyễn Ngọc Anh		HVCH	X		2021-2024	Học viện Ngoại giao	Bằng Ths ngày 20/11/2024

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

1	Quan hệ Anh – Việt Nam (1614-1705): từ tự do thương mại đến xung đột chính trị, quân sự	CK	NXB Khoa học xã hội, 2021	01	X	Toàn bộ sách	Giấy chứng nhận số 357/GCN-DHSPHN ngày 11/6/2025
2	Giáo trình Lịch sử văn minh thế giới	GT	NXB Đại học Sư phạm, 2023	08		Tr. 209-240; 267-285.	Giấy chứng nhận số 357/GCN-DHSPHN ngày 11/6/2025

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản mà ứng viên là chủ biên sau TS:

[01]: Trần Ngọc Dũng, Quan hệ Anh – Việt Nam (1614-1705): từ tự do thương mại đến xung đột chính trị, quân sự, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2021, ISBN: 978-604-308-657-7.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Quan hệ Anh – Việt Nam cuối thế kỷ XVII – đầu thế kỷ XVIII: tiếp cận mới dựa trên nguồn tư liệu lưu trữ của Anh	CN	SPHN19-13 Cấp cơ sở	2019-2021	Nghiệm thu: 17/3/2021, xếp loại Xuất sắc
2	Tự chủ chiến lược quốc gia trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn hiện nay	CN	Cấp cơ sở	2024	Nghiệm thu: 19/11/2024, xếp loại Xuất sắc
3	Lịch sử Chính phủ Việt Nam tập 4 (2005-2015)	Thành viên chính	Cấp Nhà nước	2021-2022	Nghiệm thu: 7/11/2022.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------	------------	------------------	---	---	------------------	----------------	--------------------

I	Trước khi được công nhận TS							
1	Vị thế của vương quốc Phổ trong quan hệ quốc tế giai đoạn 1815-1850	02		- Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử - ISSN: 0866-7497			Số 3 (419), tr. 61-70	2011
2	Quan hệ kinh tế Liên Xô - Đức giai đoạn 1922-1941	01	X	- Tạp chí Nghiên cứu châu Âu - ISSN: 0868-3581			Số 4 (127), Tr. 56-66	2011
3	Vai trò của Oliver Cromwell trong giai đoạn cầm quyền (1649-1658) đối với sự phát triển ngoại thương Anh	01	X	- Tạp chí Nghiên cứu châu Âu - ISSN: 0868-3581			Số 10 (133), Tr. 56-66	2011
4	Sự thay đổi tương quan lực lượng hải quân giữa Anh và Hà Lan nửa sau thế kỷ XVII	01	X	- Tạp chí Nghiên cứu châu Âu - ISSN: 0868-3581			Số 8 (143), Tr. 58-70	2012
5	Tương quan lực lượng Anh và Hà Lan qua các cuộc chiến tranh nửa sau thế kỷ XVII	01	X	- Tạp chí Nghiên cứu châu Âu - ISSN: 0868-3581			Số 4 (151), Tr. 46-55	2013
6	Vai trò của Liên minh thuế quan Phổ trong công cuộc thống nhất nước Đức thế kỷ XIX	01	X	- Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử - ISSN: 0866-7497			Số 2 (442), Tr. 46-56	2013
7	Chiến lược và hoạt động của công ty Đông Ấn Anh ở Đông Á và Việt Nam trong hai thập niên đầu thế kỷ XVII	01	X	- Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử - ISSN: 0866-7497			Số 10 (498), Tr. 67-78	2017

8	Chính sách của công ty Đông Ấn Anh ở Đông Á trong thế kỷ XVII	01	X	- Nghiên cứu Đông Bắc Á, - ISSN: 2354-077X			Số 10 (200), Tr. 66-76	2017
9	Vai trò cá nhân đối với sự hiện diện của công ty Đông Ấn Anh tại Việt Nam thế kỷ XVII	01	X	- Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử - ISSN: 0866-7497			Số 7 (507), Tr. 26-36	2018
10	Sự hiện diện thương mại của Anh tại Đàng Ngoài nửa cuối thế kỷ XVII trong so sánh với Hà Lan và Trung Quốc	01	X	- Tạp chí Nghiên cứu châu Âu - ISSN: 0868-3581			Số 4 (223), Tr. 84-95	2019
II	Sau khi được công nhận TS							
II.1	Tạp chí trong danh mục quốc tế uy tín ISI/Scopus							
11	The English East India Company and Cochin-china (1614-1705): from a free trade to coercion	01	X	- South East Asia Research, - ISSN: 0967-828X	- ISI (Danh mục AHCI), - Q2 Scopus - IF: 0.7		vol. 29, no. 3, pp. 365-383	2021
Doi: https://doi.org/10.1080/0967828X.2021.1966317								
Link: https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/0967828X.2021.1966317								
12	Anglo-Vietnamese diplomatic relationship in the seventeenth century: the case of the English East India Company	01	X	- International Journal of Asian Studies, - ISSN: 1479-5914 (Print), 1479-5922 (online)	- ISI (Danh mục AHCI), - Q2 Scopus - IF: 0.5		- online: ngày 2/6/2021 - số: 2023, vol. 20, no. 1, pp. 173-191	2021 / 2023
Doi: https://doi.org/10.1017/S1479591421000267								
Link: https://www.cambridge.org/core/journals/international-journal-of-asian-studies/article/abs/anglovietnamese-diplomatic-relationship-in-the-seventeenth-century-the-case-of-the-english-east-india-company/AF269B3BE2A15D6EF7B4C00DD11D88C5								

13	Overseas management in the English East India Company: a study of the Tonkin factory (1672-1697)	04	X	- Journal of Management History - ISSN: 1751-1348, e-ISSN: 1758-7751	- Q1 Scopus - IF: 0.9	- online: 12/7/2022 - số: 2023, vol. 29, no. 2, pp. 305-324	2022 / 2023
Doi: https://doi.org/10.1108/JMH-04-2022-0010 Link: https://www.emerald.com/insight/content/doi/10.1108/jmh-04-2022-0010/full/html							
14	The Role of Tonkin and Taiwan in the English East India Company's East Asian Commercial Strategy in the late Seventeenth Century: A Comparative Perspective	01	X	- Asian and African Studies - ISSN: 1335-1257 (print), 2585-8793 (online)	- Q2 Scopus - IF: 0.2	vol. 33, no. 1, pp. 97-116	2024
Doi: https://doi.org/10.31577/aassav.2024.33.1.04 Link: https://www.sav.sk/journals/uploads/0530104004_Dung_web.pdf							
15	The East India Company and Britain's Interest in Vietnam's trading port in the early modern period	04	X	- Vestnik of Saint Peterburg University. History (<i>Vestnik Sankt-Peterburgskogo Universitete, Istoriya</i>) - ISSN: 1812-9323	- Q1 Scopus	vol. 69, no. 4, pp. 917-934	2024
Doi: https://doi.org/10.21638/spbu02.2024.405 Link bài viết: https://history-journal.spbu.ru/article/view/20562/12658							
II.2	Tạp chí quốc tế khác						
16	Northern Vietnam's overseas trade in the seventeenth century by investigating the	02	X	- Rangsit Journal of Social Science and Humanities - ISSN: 2286-976X, 2539-5513 (online)		vol. 8, no. 1, pp. 1-13	2021

	British primary materials							
17	Development of Vietnam's policies towards Australia after the Cold War	02	X Tác giả liên hệ	- The Russian Journal of Vietnamese Studies - ISSN: 2618-9453 (online)	- Danh mục WoS (Emerging Sources Citation Index – ESCI)		vol. 7, no. 4, pp. 15-24	2023
II.3 Tạp chí chuyên ngành quốc gia								
18	Trận Armada 1588 và quan hệ Anh - Tây Ban Nha trong giai đoạn cầm quyền của Nữ hoàng Elizabeth I (1558-1603)	01	X	- Tạp chí Nghiên cứu châu Âu - ISSN: 0868-3581			số 10 (229), tr. 57-66	2019
19	Hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty Đông Ấn Anh (EIC) tại Đàng Ngoài (1672-1697)	01	X	- Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử - ISSN: 0866-7497			số 7 (519), tr. 47-56	2019
20	Thái độ của người Anh đối với hiệp ước Giáp Tuất 1874	01	X	- Nghiên cứu Lịch sử, - ISSN: 0866-7497			số 11 (523), tr. 49-56	2019
21	Xuất khẩu gạo của Nam Kỳ thuộc Pháp trước 1914 qua nghiên cứu tài liệu lưu trữ của Anh	01	X	- Tạp chí khoa học xã hội nhân văn - ISSN: 2354-1172			số 6, tập 1, tr. 19-32	2020
22	Sự chấm dứt liên minh Anh - Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1919-1922)	01	X	- Nghiên cứu Đông Bắc Á, - ISSN: 2354-077X			số 1 (227), tr. 59-67	2020
23	William Gyfford and his role to maintain the			- HNUE Journal of			số 6, tập 4D,	2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	English factory in Tonkin (Northern Vietnam) (1672-1675)	01	X	Science, Social Sciences, - ISSN: 2354-1067			pp. 46-53	
24	Ngoại thương Việt Nam thời thuộc Pháp (1897-1914) qua khảo cứu nguồn tài liệu lưu trữ của Anh	01	X	- Nghiên cứu Lịch sử, - ISSN: 0866-7497			số 6 (530), tr. 3-17	2020
25	Liên minh Anh - Nhật Bản và tranh chấp quyền lực ở Đông Á đầu thế kỷ XX	01	X	- Nghiên cứu Đông Bắc Á, - ISSN: 2354-077X			số 1 (239), tr. 12-21	2021
26	Tư liệu lưu trữ Anh về quan hệ Việt Nam – Anh (thế kỷ XVII- XIX)	02		- Nghiên cứu Lịch sử, - ISSN: 0866-7497			Số 3 (539), tr. 58-68	2021
27	Nguồn tư liệu gốc tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia Anh về vấn đề dân tị nạn Việt Nam tại Anh	02	X	- Nghiên cứu châu Âu, - ISSN: 0868-3581			Số 4 (247), tr. 13-22	2021
28	Các cuộc cải cách quân sự ở Phổ thế kỷ XIX	01	X	- Nghiên cứu châu Âu, - ISSN: 0868-3581			số 6 (249), tr. 43-57	2021
29	Chiến tranh Pháp – Thanh 1883-1885 và những nỗ lực ngoại giao của Anh	02		- Nghiên cứu Lịch sử, - ISSN: 0866-7497			số 7 (543), tr. 33-47	2021
30	Nhân tố Trung Quốc trong chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của Tổng thống Mỹ Donald Trump	02		- Nghiên cứu Đông Bắc Á, - ISSN: 2354-077X			số 7 (245), tr. 3-12	2021

31	Quan hệ Việt Nam – Australia từ năm 1973 đến năm 1991	02		- Nghiên cứu Lịch sử, - ISSN: 0866-7497			Số 8 (556), tr. 62-71	2022
32	Vai trò của Liên Hợp Quốc trong việc giải quyết xung đột, tái thiết hòa bình ở Campuchia (1989-1993)	02	X	- Nghiên cứu Lịch sử, - ISSN: 0866-7497			Số 9 (557), tr. 62-72	2022
33	Vai trò của thị trường Đông Bắc Á đối với ngoại thương Việt Nam đầu thế kỷ XX	02	X	- Nghiên cứu Đông Bắc Á, - ISSN: 2354-077X			Số 10 (260), tr. 51-60	2022
34	Hoạt động của Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN (2016-2020)	02	X	- Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á, - ISSN: 0866-7314			Số 12 (121), tr. 29-36	2022
35	Việt Nam với việc hoàn thiện Cộng đồng kinh tế ASEAN (2015 – 2020)	02	X	- Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, - ISSN: 2525-2607			đăng ngày 17/1/2023	2023
Link: http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/4740-viet-nam-voi-hoan-thien-cong-dong-kinh-te-asean-2015-2020.html								
36	Phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam ở Anh trong thập niên 60 của thế kỷ XX: Những giá trị lịch sử	01	X	- Tạp chí cộng sản điện tử - ISSN: 2734-9071			đăng ngày 18/3/2023	2023
Link: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/827160/phong-trao-phan-doi-chien-tranh-viet-nam-o-anh-trong-thap-nien-60-cua-the-ky-xx--nhung-gia-tri-lich-su.aspx								
37	Nhìn lại cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam (1978-1979)	01	X	- Nghiên cứu Đông Nam Á,			số 1 (274), tr. 56-64	2023

				- ISSN: 0868-2739				
38	Hợp tác Việt Nam – Nhật Bản trong phòng, chống Covid-19 và khôi phục, phát triển kinh tế (2020-2022)	01	X	- Nghiên cứu Đông Bắc Á, - ISSN: 2354-077X			số 1 (263), tr. 39-48	2023
39	Sự phát triển kinh tế của Đế chế Đức giai đoạn 1933-1939	02	X	- Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, - ISSN: 2354-1172			số 1, tập 9, tr. 90-103	2023
40	Sự thay đổi chiến lược của Ấn Độ tại Đông Nam Á trong thế cạnh tranh với Trung Quốc sau Chiến tranh Lạnh	02	X	- Tạp chí nghiên cứu nước ngoài, - ISSN: 2525-2445			số 1, tập 39, tr.59-76	2023
41	Cuộc đấu tranh nữ quyền ở Anh và Pháp thời cận đại	01	X	- Nghiên cứu châu Âu, - ISSN: 0868-3581			số 3 (270), tr. 44-52	2023
42	Vai trò của Anh trong việc Pháp tái chiếm Nam Bộ (1945-1946)	01	X	- Nghiên cứu Lịch sử, - ISSN: 0866-7497			số 4 (564), tr. 63-72	2023
43	Rubber industry in Southern Vietnam (1954-1975): An economic dimension	01	X	- VMOST Journal of Social Sciences and Humanities - ISSN: 2734-9748			Vol. 65, no. 2, pp. 93-106	2023
44	Phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam (2006-2016)	02	X	- Tạp chí Lịch sử Đảng - ISSN: 2815-6382			số 11 (396), tr. 89-94	2023
45	Vấn đề tranh thủ sự ủng hộ quốc tế trong kháng chiến	02	X	- Tạp chí Lý luận Chính trị,			số 5 (555), tr. 148-155	2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	chống Mỹ, cứu nước: Trường hợp Tòa án Russell			- ISSN: 2525-2585				
46	Xu thế phát triển của các phong trào cánh tả thế giới hiện nay và vai trò của Việt Nam	01	X	- Tạp chí Giáo dục lý luận - Học viện Chính trị khu vực I - ISSN: 0868-3492			Số 3 (369), tr. 83-88	2024
47	Một số nội dung cơ bản trong chính sách đối ngoại của Indonesia (10/2014 – 10/2024)	01	X	- Nghiên cứu Lịch sử, - ISSN: 0866-7497			Số 11 (583), tr. 61-72	2024
48	Hợp tác Việt Nam – Liên minh châu Âu trong giải quyết những thách thức toàn cầu	02		- Tạp chí Lý luận chính trị, - ISSN: 2525-2585			Số 12 (562), tr. 131-139	2024
49	Khái lược về thông ngôn của thương điểm Anh tại Đảng Ngoại (1672-1697)	02		- Nghiên cứu Lịch sử, - ISSN: 0866-7497			Số 2 (586), tr. 37-49	2025
50	Quá trình phát triển nhận thức của Đảng về giáo dục – đào tạo (1991-2021)	02	X	- Tạp chí Lịch sử Đảng điện tử - ISSN: 2815-6013			Đăng ngày 31/3/2025	2025
Link: https://tapchilichsudang.vn/qua-trinh-phat-trien-nhan-thuc-cua-dang-ve-giao-duc-dao-tao-1991-2021.html .								
51	Chính sách ngoại giao của Ôxtrâyliã – Tiếp cận từ góc độ tự chủ chiến lược	01	X	- Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, - ISSN: 2525-2607			Đăng ngày 23/6/2025	2025
Link: https://lyluanchinhtri.vn/chinh-sach-ngoai-giao-cua-oxtraylia-tiep-can-tu-goc-do-tu-chu-chien-luoc-6960.html								

II.4								
Kỷ yếu hội thảo quốc tế								
52	Training and using 1 st and 2 nd government teachers in Southern Vietnam (1954-1975)	02		- Conference Proceedings, The 2 nd International Conference on Innovations in the social sciences and humanities 2021 - ISBN 978-0-9945391-6-8 (Australian ISBN)			tr. 345-350	2021
53	50 năm hợp tác kinh tế Việt Nam – Canada: Thành tựu và triển vọng	02		- Kỷ yếu Hội thảo quốc tế, Viện nghiên cứu châu Mỹ, 50 năm quan hệ Việt Nam – Canada: Nhìn lại và hướng tới - ISBN: 978-604-322-565-5	NXB Thanh niên, Hà Nội		tr. 302-320	2023
54	Từ phong trào phản đối chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam đến giao lưu nhân dân Việt Nam – Australia: tình hữu nghị trong quan hệ song phương	01	X	- Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: 50 năm quan hệ Việt Nam – Australia: Nhìn lại và hướng tới - ISBN: 978-604-364-758-7	NXB Khoa học xã hội, Hà Nội		tr. 129-154	2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **05 bài** tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus mà UV là tác giả chính, số thứ tự là [11], [12], [13], [14], [15].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------	------------	------------------	---	---	----------------	--------------------

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
năm học 2022-2023: thiếu 21 giờ: đạt 104 / 125 giờ (trong trường hợp không được giảm giờ dạy theo quy định tại Điều 18 (trang 18) của QĐ số 766-QĐ/HVCTQG ngày 2/3/2022).

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
năm học 2022-2023: thiếu 90,5 giờ: đạt 159,5 / 250 giờ (trong trường hợp không được giảm giờ dạy theo quy định tại Điều 18 của QĐ số 766-QĐ/HVCTQG ngày 2/3/2022).

Đề xuất dùng điểm công trình khoa học để bù vào số giờ thiếu.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH; ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Ngọc Dũng